TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2024/DSST
Ngày 07/8/2024
Về việc: T/c hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ C

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Cao Thị Thanh Trúc**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thu**.
2. Ông **Võ Hoàng Vũ**.
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Ông **Nguyễn Cao Kỳ Quang** - *Thư ký Tòa án Nhân dân quận N, thành phố C.*

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận N, thành phố C xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 206/2024/TLST-DSST ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 443/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà **Ngô Thị T,** sinh năm 1965
Địa chỉ liên hệ: 312E/2 khu vực 5, P. An Khánh, Q. N, TP. C
Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Hà Văn Đ,** sinh năm 2001
Địa chỉ: 307H Nguyễn Văn Linh, P. An Khánh, Q. N, TP. C

**** Bị đơn:*** Bà **Trần Thị Q**, sinh năm 1964 và ông **Nguyễn Trần Bảo N.**
HKTT: 320D/6, khu vực 5, P. An Khánh, Q. N, TP. C.

(Đại diện nguyên nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*** Ngày 18 tháng 10 năm 2022, qua mối quan hệ quen biết bà Ngô Thị T có cho bà Trần Thị Q và con trai bà Q là ông Nguyễn Trần Bảo N mượn số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) để ông Quí làm ăn. Thời hạn vay là 02 năm, tính từ ngày 18 tháng 10 năm 2022 đến ngày 18 tháng 10 năm 2024. Lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Các bên có lập hợp đồng vay mượn tiền ngày 18/10/2022.

Thời gian đầu bà Q và ông N đóng lãi theo như đúng thỏa thuận, cụ thể là từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 03 năm 2023 mỗi tháng đóng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Từ tháng 04 đến tháng 06 năm 2023 bà Q và ông N không đóng lãi và xin hẹn lại tháng 07 năm 2023 sẽ đóng đủ các tháng còn thiếu. Tuy nhiên, đến tháng 07 năm 2023 chỉ đóng lãi 10.000.000 đồng, tức còn thiếu lại 03 tháng. Đến tháng 08 năm 2023 thì đóng được 9.000.000 đồng. Từ tháng 10 năm 2023 đến nay bà Q và ông N ngưng đóng lãi cho bà Tương. Nợ vốn vẫn chưa trả.

Nay bà Tương khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Q và ông Nguyễn Trần Bảo N có trách nhiệm trả lại cho bà Tương số tiền vốn 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và lãi suất 1%/tháng tính từ tháng 10 năm 2023 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án.

**** Về phía bị đơn:*** Quá trình giải quyết vụ kiện bị đơn bà Trần Thị Q và ông Nguyễn Trần Bảo N luôn vắng mặt. Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục niêm yết, tống đạt theo quy định, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông N, không yêu cầu ông N cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ với bà Q, chỉ yêu cầu bà Trần Thị Q trả cho bà Tương số tiền 1.000.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 18/10/2023 đến ngày 07/8/2024 số tiền bằng 96.666.000đồng. Ngoài ra, bị đơn còn phải trả lãi ở giai đoạn thi hành án cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ pháp luật:*** Căn cứ theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn. Xét đây là quan hệ *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] ***Về thủ tục tố tụng:*** Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án tiến hành triệu tập đối với bị đơn bà Trần Thị Q và ông Nguyễn Trần Bảo N tuy nhiên bà Q, ông N luôn vắng mặt. Xét thấy, tại Hợp đồng vay mượn tiền lập ngày 18/10/2022 ghi nhận địa chỉ của bà Q, ông N tại Số 60 đường B18, KDC 91B, P. An Khánh, Q. N, Tp. C. Qua xác minh công an Phường An Khánh xác nhận bà Q, ông N đã bán nhà bỏ đi hiện không còn ở địa chỉ này. Xác minh tại địa chỉ: 320D/6, khu vực 5, P. An Khánh, Q. N, TP. C xác nhận cả hai có đăng ký hộ khẩu thường trú tại đây nhưng hiện không sống tại địa chỉ này.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán có ghi rõ *"trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp*

đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung…". Do vậy, việc bà Q, ông N bỏ địa phương đi không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành thủ tục giải quyết vắng mặt bà Q và ông N theo quy định.

[3] *Về căn cứ khởi kiện*:

[3.1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Q trả số tiền đã vay là 1.000.000.0000 đồng (Một tỷ đồng):*

Chứng cứ mà nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là "*Hợp đồng vay mượn tiền ngày 18/10/2022"*. Nội dung hợp đồng vay mượn tiền thể hiện bà Trần Thị Q có vay của bà Ngô Thị T số tiền là 1.000.000.0000 đồng (*Một tỉ đồng*). Quá trình giải quyết Tòa án có triệu tập bà Q nhiều lần để hòa giải, đối chất làm rõ nội dung tranh chấp nhưng bà Q đã bỏ đi nơi khác không còn cư trú tại địa phương nên không tiến hành thủ tục hòa giải được. Với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp đủ cơ sở xác định bà Q có vay của bà Tương số tiền là 1.000.000.0000 đồng. Chưa có cơ sở xác định bà Q đã trả khoản vay này. Do vậy cần buộc bà Q trả số tiền này cho bà Tương.

[3.2] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông N. Không yêu cầu ông N cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ với bà Q vì ông N ký tên tại hợp đồng vay mượn tiền với tư cách con của người vay. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

[3.3] *Về lãi suất:* Xét thấy, tại hợp đồng vay mượn tiền các bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả mức lãi này là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Nguyên đơn xác nhận bị đơn đã đóng lãi được đến tháng 9/2023 thì ngưng nên chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi từ tháng 10/2023 đến khi xét xử sơ thẩm. Yêu cầu này là phù hợp nên được chấp nhận.

Tính từ ngày 18 tháng 10 năm 2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 07 tháng 8 năm 2024 (bằng 9 tháng 20 ngày). Như vậy tiền lãi là: *1.000.000.000.000đồng x 1%/tháng x 09 tháng 20 ngày = 96.666.000 đồng*

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận. Tuy nhiên, do bị đơn hiện trên 60 tuổi thuộc đối tượng được miễn tạm

ứng án phí, án phí sơ thẩm nên bị đơn không phải nộp. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 26, 35, 147, 179, 227, 244 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T

1. Buộc bị đơn bà Trần Thị Q có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Ngô Thị T số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và lãi là 96.666.000 đồng. Tổng cộng là 1.096.666.000 đồng (*Một tỷ không trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T về việc yêu cầu ông Nguyễn Trần Bảo N chịu trách nhiệm liên đới cùng bà Trần Thị Q trả số nợ trên cho bà Ngô Thị T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Q được miễn án phí vụ kiện. Nguyên đơn bà Ngô Thị T được nhận lại 21.835.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001063 ngày 20/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa cấp trên xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. C
- VKSND TP. C, Q. N

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự
- Chi cục THADS Q. N
- Lưu HS dân sự.

Cao Thị Thanh Trúc

Thành viên HĐXX **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Ngọc Thu *Võ Hoàng Vũ* *Cao Thị Thanh Trúc*